

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Nâng cao Năng lực Quản trị Công ty Tốt theo Thông lệ Quốc tế về Phát triển Bền vững

TRAINING PROGRAM

Enhancing Good Corporate Governance to Meet Sustainability International Practices

GIỚI THIỆU


CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ CÔNG TY TỐT THEO THÔNG LỆ QUỐC TẾ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ✓ Chủ đề 1: Khung ESG trong doanh nghiệp
- ✓ Chủ đề 2: Thẩm định/Soát xét tổng thể doanh nghiệp
- ✓ Chủ đề 3: Quản lý rủi ro trong doanh nghiệp
- ✓ Chủ đề 4: Kiểm soát tuân thủ trong doanh nghiệp

HỎI ĐÁP



 CHỮ ĐỀ 2

THẨM ĐỊNH DOANH NGHIỆP

THẨM ĐỊNH/SOÁT XÉT TỔNG THỂ
CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

Khái niệm Due Diligence

Due Diligence (hay còn gọi là thẩm định) là quá trình nghiên cứu và đánh giá cẩn thận một công ty, tài sản hoặc giao dịch trước khi tiến hành một thỏa thuận hoặc giao dịch kinh doanh, thường được thực hiện bởi các nhà đầu tư, ngân hàng, luật sư hoặc bất kỳ ai có quan tâm đến việc mua bán, đầu tư hoặc hợp tác kinh doanh với một thực thể khác.

CÓ RẤT NHIỀU LĨNH VỰC CÓ THỂ THỰC HIỆN DUE DILIGENCE

Thẩm định pháp lý	Thẩm định tài chính	Thẩm định hoạt động	Thẩm định thương mại	Thẩm định nhân sự	Thẩm định hệ thống CNTT và bảo mật	Thẩm định ESG
<ul style="list-style-type: none"> Cơ cấu công ty và hồ sơ pháp lý Hợp đồng và Thỏa thuận Sở hữu trí tuệ (IP) và Thương hiệu Tuân thủ quy định và Giấy phép Tranh chấp pháp lý và kiện tụng Mối quan tâm về môi trường và tính bền vững Quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tài chính Phân tích doanh thu và chi phí Đánh giá tài sản và nợ phải trả Thuế và tuân thủ thuế Các thỏa thuận về nợ và tài trợ Phân tích vốn lưu động Các dự báo và giá định tài chính Phân tích dòng tiền 	<ul style="list-style-type: none"> Hiểu biết về hoạt động kinh doanh Đánh giá các quy trình nội bộ Đánh giá chuỗi cung ứng Cơ sở hạ tầng công nghệ Tuân thủ về sức khỏe và an toàn Sự phù hợp và hội nhập về văn hóa 	<ul style="list-style-type: none"> Phân tích thị trường và xu hướng ngành Phân tích đối thủ cạnh tranh Hợp đồng với khách hàng và khách hàng Chiến lược bán hàng và tiếp thị Danh mục sản phẩm và dịch vụ Đánh giá mô hình doanh thu Chiến lược thâm nhập và mở rộng thị trường 	<ul style="list-style-type: none"> Cơ cấu tổ chức và lãnh đạo Hợp đồng và thỏa thuận của nhân viên Phúc lợi và lương thưởng cho nhân viên Thỏa thuận lao động và mối quan hệ với công đoàn Chính sách và thủ tục nhân sự Đánh giá các chính sách và lực lượng lao động Đánh giá văn hóa Tuân thủ việc làm 	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm kê hệ thống và phần mềm CNTT Các biện pháp bảo mật và bảo mật dữ liệu Đánh giá lỗ hổng an ninh mạng Kế hoạch khắc phục thảm họa và tiếp tục kinh doanh Tuân thủ CNTT và tuân thủ quy định Tích hợp cơ sở hạ tầng công nghệ Cấp phép và Hợp đồng phần mềm Đào tạo và nhận thức về CNTT của nhân viên 	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá các nguyên tắc ESG hiện tại So sánh các nguyên tắc, quy trình của DN và hiệu quả ESG với các đơn vị tương tự. Đánh giá việc tuân thủ các nguyên tắc ESG với các quy định pháp luật quốc gia và điều ước quốc tế Đánh giá các nghĩa vụ ESG tiềm năng và tác động tài chính đối với các rủi ro được xác định.

THẨM ĐỊNH ESG TRONG DOANH NGHIỆP

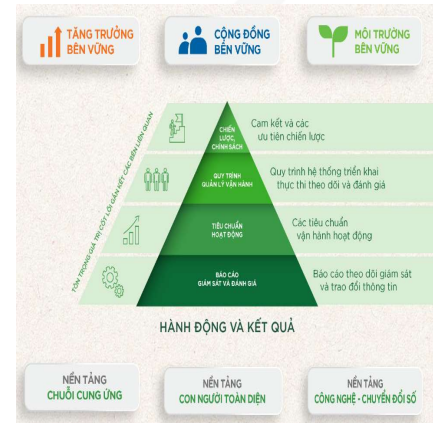
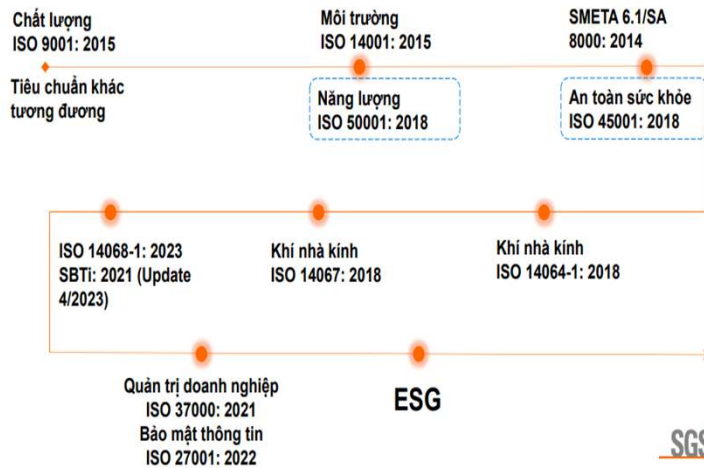
ESG Duediligence



Hành trình ESG – Kế hoạch hành động



ESG ROAD MAP & CÁC TIÊU CHUẨN



KHUNG ESG PHỔ BIẾN



GREENHOUSE GAS PROTOCOL

GRI Empowering Sustainable Decisions

SASB SUSTAINABILITY ACCOUNTING STANDARDS BOARD

PRI

FASB

SDG Impact

OECD GUIDELINES FOR MULTINATIONAL ENTERPRISES

ISSB

SCIENCE BASED TARGETS DRIVING AMBITIOUS CORPORATE CLIMATE ACTION

INTEGRATED REPORTING <IR>

PCAF Partnership for Carbon Accounting Financials

CDP

IEFRAG European Financial Reporting Advisory Group

UN GUIDING PRINCIPLES REPORTING FRAMEWORK

CDSB Climate Disclosure Standard Board

VOLUNTARY PRINCIPLES ON SECURITY & HUMAN RIGHTS

ISO 26000 SOCIAL RESPONSIBILITY

SFDR

UNEP FINANCE INITIATIVE

PSI Principles for Sustainable Insurance

Impact Assessment

wbcsd

EQUATOR PRINCIPLES

Thẩm định chính sách ESG



Nội dung của chính sách ESG

- o Chính sách ESG, bao gồm 03 trụ cột ESG, nên có đầy đủ các chính sách theo cấu phần liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các chính sách thành phần
- o Chính sách ESG có thể bao gồm một chính sách chính và các chính sách thành phần, tùy theo mức độ quan trọng và mối quan tâm của tổ chức

Việc lựa chọn chính sách thành phần:

- o Tùy vào mối quan tâm của tổ chức và định hướng việc triển khai ESG hiện tại; tổ chức chủ động lựa chọn các chính sách thành phần để đưa vào chính sách ESG
- o Cách làm này tương tự việc thực hiện báo cáo ESG theo khuôn khổ GRI. Bộ tiêu chuẩn GRI bao gồm: 3 chuẩn mực toàn cầu (universal standards) áp dụng cho tất cả các tổ chức, doanh nghiệp; 33 chuẩn mực liên quan đến các nội dung cụ thể và được chia làm ba nhóm: kinh tế, môi trường, xã hội. Các tổ chức chỉ lựa chọn và sử dụng các chuẩn mực có liên quan dựa trên các lĩnh vực trọng yếu. Phương pháp này được thiết kế để sử dụng cho từng chủ đề trọng yếu trong báo cáo phát triển bền vững (phần GRI 200, GRI 300, và GRI 400) và các chủ đề trọng yếu khác.
- o Ví dụ: theo xu hướng Việt Nam cam kết net zero 2050 và việc kiểm soát phát thải khí nhà kính; các tổ chức tại Việt Nam có xu hướng tập trung vào cấu phần (e) và các chính sách thành phần có liên quan; tuy nhiên dần dần các tổ chức cũng sẽ ban hành các chính sách thành phần của (s) và (g)

Thẩm định các khía cạnh ESG quan trọng



Electronic Manufacturing			
Environmental	Opportunities in Clean Tech	11.9%	Cơ hội trong công nghệ sạch
	Water Stress	0.4%	Áp lực liên quan đến thiếu nước
Social	Labor Management	23.9%	Quản lý lao động
	Chemical Safety	11.5%	An toàn hóa chất
	Controversial Sourcing	11.0%	Kiểm soát nguồn cung ứng
	Supply Chain Labor Standards	0.3%	Tiêu chuẩn lao động theo chuỗi cung ứng
Governance	Governance	41.0%	Quản trị
DV chăm sóc sức khỏe			
Environmental	Carbon Emissions	4.9%	Phát thải carbon
	Toxic Emissions & Waste	0.2%	Phát thải khí và chất thải nguy hại
Social	Product Safety & Quality	24.8%	An toàn & chất lượng
	Labor Management	19.7%	Quản lý lao động
	Privacy & Data Security	14.8%	Quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu
	Human Capital Development	0.4%	Phát triển nguồn lực con người
	Access to Health Care	0.2%	Tiếp cận chăm sóc sức khỏe
Governance	Governance	35.0%	Quản trị
Sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp			
Environmental	Toxic Emissions & Waste	12.0%	Khí thải độc hại & Chất thải
	Opportunities in Clean Tech	12.0%	Cơ hội trong công nghệ sạch
Social	Labor Management	18.0%	Quản lý lao động
	Health & Safety	17.0%	Sức khỏe & An toàn
Governance	Governance	41.0%	Quản trị

Logistic			
Environmental	Carbon Emissions	18.3%	Phát thải carbon
	Toxic Emissions & Waste	0.8%	Khí thải độc hại & Chất thải
Social	Labor Management	25.0%	Quản lý lao động
	Health & Safety	13.2%	Sức khỏe và an toàn
	Privacy & Data Security	0.3%	Quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu
Governance	Governance	42.4%	Quản trị
Dệt may			
Environmental	Raw Material Sourcing	15.7%	Nguồn cung ứng NVL
	Product Carbon Footprint	10.8%	Đấu chân Carbon của sản phẩm
Social	Labor Management	20.0%	Quản lý lao động
	Chemical Safety	14.7%	An toàn hóa chất
	Supply Chain Labor Standards	2.3%	Tiêu chuẩn lao động theo chuỗi cung ứng
Governance	Governance	36.6%	Quản trị

Thẩm định các khía cạnh ESG quan trọng

Ngành thủy sản

Thuộc về môi trường

Vấn đề Trong lượng trung bình

Cảng thẳng về nước	12,6%	██████████
Vật liệu đóng gói & Chất thải	9,7%	██████████
Tim nguồn cung ứng nguyên liệu thô	8,9%	██████████
Dấu chân Carbon của sản phẩm	6,8%	██████████
CS Khí thải và chất thải độc hại	0,1%	██████████
Đa dạng sinh học & sử dụng đất		
Cơ hội trong Công trình Xanh		
Tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu		
Tài trợ tác động môi trường		
Cơ hội trong năng lượng tái tạo		
Cơ hội trong Công nghệ sạch		
Phát thải carbon		
Lãng phí điện năng		

Xã hội

Vấn đề Trong lượng trung bình

An toàn & Chất lượng Sản phẩm	13,5%	██████████
Cơ hội về Dinh dưỡng & Sức khỏe	12,4%	██████████
CS sức khỏe và an toàn	1,4%	██████████
CS Tiêu chuẩn lao động của chuỗi cung ứng	1,1%	██████████
CS Quản lý lao động	0,2%	██████████
CS An toàn hóa học	0,2%	██████████
CS Phát triển nguồn nhân lực	0,1%	██████████
Quan hệ cộng đồng		
Quyền riêng tư & Bảo mật dữ liệu		
Bảo vệ tài chính tiêu dùng		
Đầu tư có trách nhiệm		
Tiếp cận tài chính		
Tiếp cận chăm sóc sức khỏe		
Tim nguồn cung ứng gây tranh cãi		

Quản trị

Trụ cột này đánh giá tác động của quản trị doanh nghiệp và thực tiễn đạo đức kinh doanh của công ty đối với các nhà đầu tư. Tất cả các công ty đều được đánh giá dựa trên tất cả các Vấn đề chính về Quản trị, bao gồm Quyền sở hữu & Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Trả lương, Kế toán, Đạo đức kinh doanh và Minh bạch thuế.

Vấn đề Trong lượng trung bình

Quản trị	33%	██████████
Quyền sở hữu & Kiểm soát		
Bảng		
Chi trả		
Kế toán		
Đạo đức kinh doanh		
Minh bạch thuế		

Consumer Staples | **Packaged Foods & Meats** | Search for a sub-industry

Environmental	Social	Governance
Water Usage: 12,6%	Human Rights: 1,1%	Board: 33%
Waste: 9,7%	Health & Safety: 1,4%	Shareholder Rights: 1,4%
Carbon Footprint: 6,8%	Employee Safety: 1,1%	Business Ethics: 0,1%
Greenhouse Gas Emissions: 0,1%	Product Safety: 13,5%	Anti-Corruption: 12,4%
Deforestation: 0,1%	Customer Satisfaction: 12,4%	Transparency: 1,1%
Energy Efficiency: 0,1%	Supplier Safety: 1,1%	Whistleblower: 0,2%
Biodiversity: 0,1%	Product Quality: 1,1%	Compliance: 0,2%
Climate Change: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Money Laundering: 0,2%
Water Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Tax Avoidance: 0,2%
Air Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Bribe: 0,2%
Soil Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Insider Trading: 0,2%
Waste Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Water Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Air Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Soil Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Waste Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Water Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Air Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Soil Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Waste Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%

Thẩm định các khía cạnh ESG quan trọng

Ngành vận tải

công nghiệp | **Vận tải hành khách mặt đất**

Tim kiếm ngành phụ

Thông

Thuộc về môi trường

Vấn đề Trong lượng trung bình

Phát thải cacbon
Môi trường / Biến đổi khí hậu
Các công ty được đánh giá dựa trên lượng CO2 carbon trong hoạt động và nỗ lực của họ nhằm quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu.

Phát thải cacbon	14,1%	██████████
CS Cơ hội trong Công nghệ sạch	1%	██████████
CS Khí thải và chất thải độc hại	0,7%	██████████
Cảng thẳng về nước		
Tim nguồn cung ứng nguyên liệu thô		
Vật liệu đóng gói & Chất thải		
Tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu		
Tài trợ tác động môi trường		
Lãng phí điện năng		
Dấu chân Carbon của sản phẩm		
Cơ hội trong năng lượng tái tạo		
Đa dạng sinh học & sử dụng đất		
Cơ hội trong Công trình Xanh		

Xã hội

Vấn đề Trong lượng trung bình

Quản lý lao động
Vấn đề xã hội / con người
Các công ty được đánh giá dựa trên mức độ phức tạp của lực lượng lao động (quy mô, cường độ lao động và khu vực hoạt động), mối quan hệ giữa quản lý và lao động, mức độ bảo vệ người lao động và nỗ lực gắn kết nhân viên của họ.

Quản lý lao động	24,9%	██████████
sức khỏe và an toàn	6,6%	██████████
CS Quyền riêng tư & Bảo mật dữ liệu	4,2%	██████████
CS An toàn & Chất lượng Sản phẩm	2,4%	██████████
Bảo vệ tài chính tiêu dùng		
Quan hệ cộng đồng		
Tiếp cận tài chính		
Cơ hội về Dinh dưỡng & Sức khỏe		
Đầu tư có trách nhiệm		
Tiếp cận chăm sóc sức khỏe		
Tim nguồn cung ứng gây tranh cãi		
Tiêu chuẩn lao động của chuỗi cung ứng		
Phát triển nguồn nhân lực		
An toàn hóa học		

Quản trị

Trụ cột này đánh giá tác động của quản trị doanh nghiệp và thực tiễn đạo đức kinh doanh của công ty đối với các nhà đầu tư. Tất cả các công ty đều được đánh giá dựa trên tất cả các Vấn đề chính về Quản trị, bao gồm Quyền sở hữu & Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Trả lương, Kế toán, Đạo đức kinh doanh và Minh bạch thuế.

Vấn đề Trong lượng trung bình

Quản trị	46,2%	██████████
Quyền sở hữu & Kiểm soát		
Bảng		
Chi trả		
Kế toán		
Đạo đức kinh doanh		
Minh bạch thuế		

Industrials | **Passenger Ground Transportation** | Search for a sub-industry

Environmental	Social	Governance
Water Usage: 12,6%	Human Rights: 1,1%	Board: 33%
Waste: 9,7%	Health & Safety: 1,4%	Shareholder Rights: 1,4%
Carbon Footprint: 6,8%	Employee Safety: 1,1%	Business Ethics: 0,1%
Greenhouse Gas Emissions: 0,1%	Product Safety: 13,5%	Anti-Corruption: 12,4%
Deforestation: 0,1%	Customer Satisfaction: 12,4%	Transparency: 1,1%
Energy Efficiency: 0,1%	Supplier Safety: 1,1%	Whistleblower: 0,2%
Biodiversity: 0,1%	Product Quality: 1,1%	Compliance: 0,2%
Climate Change: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Money Laundering: 0,2%
Water Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Tax Avoidance: 0,2%
Air Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Bribe: 0,2%
Soil Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Insider Trading: 0,2%
Waste Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Water Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Air Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Soil Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Waste Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Water Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Air Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Soil Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%
Waste Pollution: 0,1%	Product Safety: 1,1%	Anti-Share Buyback: 0,2%

Thẩm định các khía cạnh ESG quan trọng

Ngành chăm sóc sức khỏe

Chăm sóc sức khỏe

Cơ sở chăm sóc sức khỏe

Tìm kiếm ngành phụ

Thông tin

Thuộc về môi trường

Vấn đề: Trọng lượng trung bình

Phát thải carbon 5%

Vấn xã hội / con người
 Các công ty được đánh giá dựa trên mức độ phức tạp của lực lượng lao động (quy mô, cường độ lao động và khu vực hoạt động), mối quan hệ giữa quản lý và lao động, mức độ bảo vệ người lao động và nỗ lực giải quyết nhân viên của họ.

- Cơ sở chăm sóc sức khỏe: 20,1%
- Dịch vụ chăm sóc sức khỏe: 19,7%
- Vật tư chăm sóc sức khỏe: 0,3%
- Thiết bị chăm sóc sức khỏe: 0,2%
- Được phân
- Công cụ & Dịch vụ Khoa học Đời sống
- Công nghệ sinh học
- Công nghệ chăm sóc sức khỏe
- Chăm sóc sức khỏe được quản lý
- Nhà phân phối chăm sóc sức khỏe

Xã hội

An toàn & Chất lượng Sản phẩm
Trách nhiệm xã hội / sản phẩm
 Các công ty được đánh giá dựa trên khả năng có thể bị thu hồi hoặc từ chối và an toàn sản phẩm, sức mạnh của chuỗi cung ứng và hệ thống tìm nguồn cung ứng, nỗ lực quản lý chất lượng trong sản xuất và trực tiếp tiếp thị có trách nhiệm của họ.

- An toàn & Chất lượng Sản phẩm: 20,1%
- Quản lý lao động: 20,1%
- Quyền riêng tư & Bảo mật dữ liệu: 19,8%

Phát triển nguồn nhân lực sức khỏe và an toàn

Quyền riêng tư & Bảo mật dữ liệu
Trách nhiệm xã hội / sản phẩm
 Các công ty được đánh giá dựa trên lượng dữ liệu cá nhân mà họ thu thập, khả năng tiếp xúc với các quy định về quyền riêng tư ngày càng phát triển hoặc ngày càng tăng, khả năng để bị vi phạm dữ liệu tiềm ẩn và hệ thống bảo vệ dữ liệu cá nhân của họ.

- Quản lý lao động: 20,1%
- Quyền riêng tư & Bảo mật dữ liệu: 19,8%

Tiếp cận chăm sóc sức khỏe

Quản trị

Trụ cột này đánh giá tác động của quản trị doanh nghiệp và thực tiễn đạo đức kinh doanh của công ty đối với các nhà đầu tư. Tất cả các công ty đều được đánh giá dựa trên tất cả các Vấn đề chính về Quản trị, bao gồm Quyền sở hữu & Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Trả lương, Kế toán, Đạo đức kinh doanh và Minh bạch thuế.

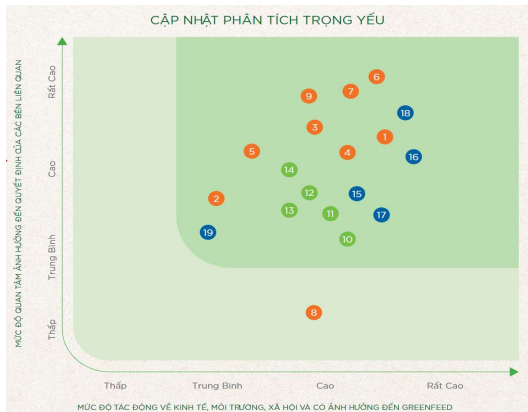
- Quản trị: 35,1%
- Quyền sở hữu & Kiểm soát
- Bảng
- Chi trả
- Kế toán
- Đạo đức kinh doanh
- Minh bạch thuế

Thẩm định tác động từ các khía cạnh ESG quan trọng



Các khía cạnh ESG quan trọng phản ánh ít nhất một trong hai khía cạnh gồm:

- + Các tác động đáng kể về kinh tế, môi trường và xã hội của tổ chức.
- + Ảnh hưởng đáng kể của chúng đến việc đánh giá và quyết định của các bên liên quan.



TRỤ CỘT CHIẾN LƯỢC	CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU THEN CHỐT	THAM CHIẾU KHUNG 17 SDG	CHUỖI CUNG ỨNG			
			Nguyên vật liệu đầu vào	Sản xuất	Phân phối	Khách hàng
KINH TẾ VÀ CHUỖI CUNG ỨNG BỀN VỮNG	1 Tác động kinh tế trực tiếp	[SDG 1, 8, 9]	High	High	High	High
	2 Tác động kinh tế gián tiếp	[SDG 1, 8, 9]	High	High	High	High
	3 Thực hành mua sắm bền vững	[SDG 1, 8, 10, 12, 13]	High	High	High	High
	4 Đạo đức và chính trực	[SDG 1, 8, 10]	High	High	High	High
	5 Chuyển đổi số	[SDG 1, 8, 9, 10]	High	High	High	High
	6 An toàn sức khỏe khách hàng	[SDG 1, 3, 8, 9]	High	High	High	High
	7 Đảm bảo chất lượng sản phẩm	[SDG 1, 8, 9]	High	High	High	High
	8 Phúc lợi động vật	[SDG 1, 8, 10, 12, 13]	High	High	High	High
	9 Vận hành sản xuất tối ưu	[SDG 1, 8, 9]	High	High	High	High
CON NGƯỜI VÀ CÔNG ĐỒNG BỀN VỮNG	15 Việc làm và phúc lợi	[SDG 1, 8, 10]	High	High	High	High
	16 Đào tạo và phát triển	[SDG 1, 8, 10]	High	High	High	High
	17 Đa dạng và hội bình đẳng	[SDG 1, 8, 10]	High	High	High	High
	18 An toàn sức khỏe nghề nghiệp	[SDG 1, 3, 8, 9]	High	High	High	High
MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG	19 Đầu tư phát triển cộng đồng	[SDG 1, 8, 10, 11]	High	High	High	High
	10 Nguyên vật liệu đầu vào	[SDG 1, 12]	High	High	High	High
	11 Năng lượng và phát thải	[SDG 1, 13]	High	High	High	High
	12 Chất thải	[SDG 1, 12]	High	High	High	High
	13 Nước và nước thải	[SDG 1, 6]	High	High	High	High
	14 Tuần trả môi trường	[SDG 1, 12]	High	High	High	High

Thẩm định hành động để đạt được các cam kết ESG

KHOẢNG NGUYÊN VẬT LIÊU ĐẦU VÀO THEO NCC

NCC	2020	2021	2022
Viet Nam	41,498	49,335	54,378
Đông Nam Á	33,772	34,519	34,738
Quốc tế	787,648	925,239	995,736

TỶ LỆ MUA SẴN TỪ NCC THEO GIỚI TÍNH VÀ KHỐI LƯỢNG

NCC	Tỷ lệ
Viet Nam	24.46%
Đông Nam Á	3.9%
Quốc tế	71.18%

5 TRỤ CỘT TRONG TÂM HƯỚNG TỚI KHÁCH HÀNG

ĐẦU VÀO

Chức năng chính: Sản xuất, Logistics

QUẢN LÝ & VẬN HÀNH

Chức năng chính: Quản lý tài sản, Quản lý nhân sự

ĐẦU RA

Chức năng chính: Dịch vụ khách hàng, Sản phẩm

Văn hành sản xuất tối ưu

- Áp dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất và chất lượng.
- Áp dụng các quy trình quản lý để giảm thiểu lãng phí và chi phí.
- Áp dụng các quy trình quản lý để giảm thiểu rủi ro và chi phí.
- Áp dụng các quy trình quản lý để giảm thiểu chi phí vận hành.
- Áp dụng các quy trình quản lý để giảm thiểu chi phí vận hành.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

BỘ QUY TẮC UNG HỖ VỚI MÔI TRƯỜNG CẤP

DANH GIÁ THỰC HÀNH QUẢN LÝ TUẦN THO ESG

G

BAO ĐẢM KINH DOANH

- Tuân thủ pháp luật
- Nghị quyết tham nhũng, hối lộ
- Cam kết công bằng
- Đảm bảo nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa
- Bảo mật thông tin

S

LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN CON NGƯỜI

- Tôn trọng quyền con người
- Không sử dụng lao động cưỡng bức, lao động ép buộc
- Môi trường làm việc công bằng
- Thời gian làm việc nghỉ ngơi

E

MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Tuân thủ quy định pháp luật
- Bảo cáo điều tra tai nạn sự cố
- Hành động khắc phục, ứng phó
- Giảm thiểu chất thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên

Thẩm định báo cáo ESG

Transactions

Environmental

Environmental (Drilled Down)

Governance

Social

Profit & Loss Statement

INTRODUCTION

Welcome to the Carlsberg Group's Environmental, Social & Governance (ESG) Report for 2022

Inside this Report

1. Introduction
2. Environment
3. Social
4. Governance

49

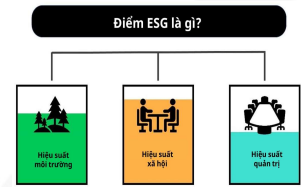
Phân hạng ESG



Phân hạng ESG

Xếp hạng ESG là các đánh giá được chấm điểm về hiệu suất ESG, rủi ro, cơ hội và tính minh bạch trong công bố thông tin. Xếp hạng ESG dựa trên các tiêu chuẩn ESG về môi trường, xã hội và quản trị khác nhau, các yếu tố cụ thể của ngành cũng như báo cáo ESG của bạn

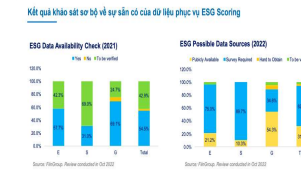
Cơ quan đánh giá điểm ESG phổ biến	Tính năng	Các biện pháp đánh giá
Morgan Stanley Capital International, MSCI	Tiếp theo là nhiều quỹ đầu tư ESG	Xếp hạng của CCC-AAA dựa trên dữ liệu mở
S&P DJI	Triển khai hệ thống câu hỏi	Một phần dựa trên bảng câu hỏi có điểm từ 0-100, ý nghĩa càng cao thì việc triển khai ESG của công ty càng tốt
Sustainalytics	Đánh giá nhiều công ty nhất để cải thiện mức độ rủi ro ESG của công ty	Xếp hạng từ 0-100 cho mức độ rủi ro ESG của doanh nghiệp
FTSE	Mức giá dựa trên chứng nhận, phù hợp với doanh nghiệp vừa và nhỏ	Điểm cuối cùng là 1-5, càng cao nghĩa là việc triển khai ESG của công ty càng tốt
B Lab	Một công ty không phải của Mỹ	Xếp hạng từ 0-200, điểm cao hơn 80 cấp Chứng nhận B Corp



Top 10 phiêu

Tên	Hạng ESG	Phần M (%)	Tên	Hạng ESG	Phần M (%)
FPT Corp	B	9.12	Vietel Construct	C	4.13
Vietcombank	B	8.76	Sacombank	B	4.02
ACB Bank	A	7.29	Hau Giang Pharma	A	3.84
REE Corp	A	5.73	Tien Phong Bank	C	3.75
Military Bank	A	5.71	Genadept	A	3.72

Top 10 cổ phiếu trong danh mục của UVEEF tính tới cuối tháng 6/2023



CHỦ ĐỀ 2

THỰC HÀNH THẨM ĐỊNH ESG TẠI DOANH NGHIỆP



THỰC HÀNH NHÓM



THỰC HÀNH

- Lấy báo cáo của 1 DN giả định đã lập
- Thực hiện thẩm định theo dữ liệu giả định và bình luận về kết quả



Học viên được chia thành 5 nhóm - 20 phút để thực hiện thảo luận riêng. Sau 20 phút, một đại diện từ mỗi nhóm sẽ có 5 phút để chia sẻ câu trả lời của nhóm. Sử dụng câu trả lời làm cơ sở để thảo luận. Toàn bộ nội dung này không vượt quá 45 phút

101

HỎI ĐÁP



CHỦ ĐỀ 3

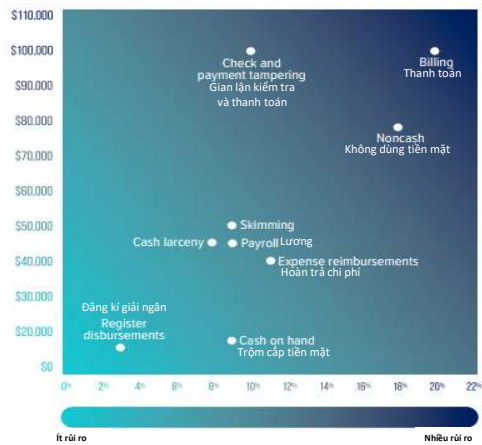
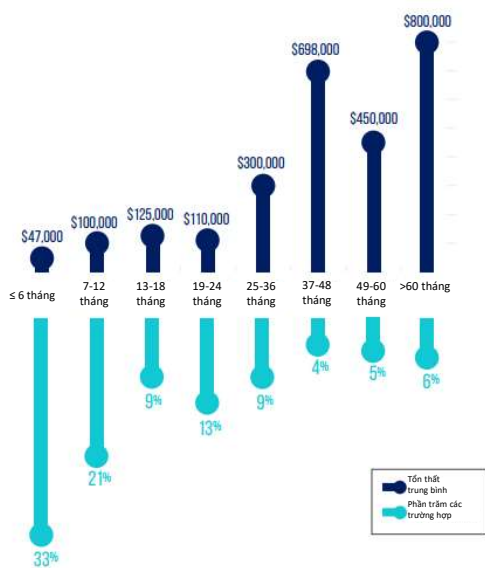
QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG DOANH NGHIỆP

TỔNG QUAN VỀ RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Quản trị rủi ro hiệu quả giúp Doanh nghiệp **giảm thiểu rủi ro** “mặc định” và “tự làm”, đồng thời **tối đa hóa giá trị** Doanh nghiệp qua các rủi ro được “tính toán” kỹ.



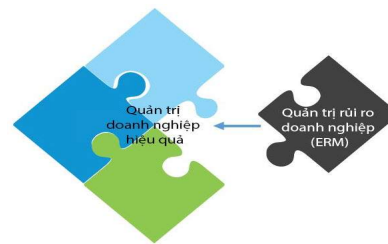
TÁC ĐỘNG CỦA RỦI RO ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA DN



Phân loại	Số trường hợp	Phần trăm của tất cả các trường hợp	Tổng thất trung bình
Thanh toán	416	20%	%100,000
Không dùng tiền mặt	385	18%	\$78,000
Hoàn trả chi phí	232	11%	\$40,000
Gian lận kiểm tra và thanh toán	208	10%	\$100,000
Trộm cắp tiền mặt	199	9%	\$15,000
Skimming	198	9%	\$50,000
Lương bổng	198	9%	\$45,000
Cash larceny	169	8%	\$45,000
Đăng ký giải ngân	58	3%	\$10,000

LỢI ÍCH CỦA QUẢN TRỊ RỦI RO

- ❖ Cải thiện sự hiểu biết về với rủi ro trong hoạt động kinh doanh
- ❖ Đưa ra các quyết định dựa trên sự hiểu biết về các rủi ro có liên quan;
- ❖ Đa dạng hóa lợi ích một cách hiệu quả dựa trên hiểu biết về rủi ro và tận dụng các cơ hội.
- ❖ Được chuẩn bị trước để có biện pháp quản lý các trường hợp tích tụ yếu tố tiềm tàng để xảy ra rủi ro;
- ❖ Tập trung vào các hoạt động tạo lợi nhuận và từ bỏ lĩnh vực không có lãi;
- ❖ Có thể thấy hiệu quả mang lại nhờ vào ERM, mà không cần chờ vào kết luận kiểm tra của các cơ quan điều tiết hay kiểm toán;
- ❖ Phân loại khách hàng căn cứ vào mức độ rủi ro của khách hàng từ hồ sơ đánh giá rủi ro và sử dụng các công cụ tính toán để phản ánh mức độ rủi ro thực tế cho từng khách hàng.



Khi QTRR, cần tránh các vấn đề sau

